

Mật Tạng Bộ 3_ No.1175 (Tr.716_ Tr.723)

KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ
VĂN THÙ SỬ LỢI BỒ TÁT CÚNG DƯỜNG NGHI QUỸ
MỘT QUYỂN

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tằng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn **BẮT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh **Đông Chân Diệu Cát Tường** (Mamju'srì-kumàra-bhùta)

Ta y **Du Già** (Yoga) nói niệm tụng

Thân Miệng Ý Kim Cương, niệm

Ba Mật thâm sâu của Như Lai

Hành Giả nên phát **Tâm Phổ Hiền** (Samanta-bhadra-citta)

Theo Thầy ứng nhận **Kim Cương Giới** (Vajra-dhàtu)

Chẳng tiếc thân mạng, khởi Từ Bi

Mới có thể vào **Luân giải thoát** (Vimokṣa-cakra)

_ Nên theo Thầy nhận **Tam Ma Gia** (Samaya)

Khế Ấn (Mudra), **Mật Ngũ** (Guhya-vàc) như **Kinh** (Sùtra) nói

Kính **A Xà Lê** (Àcarye), tưởng như Phật

Đối với đồng học, Tâm ân trọng

_ Hoặc ở sườn núi, **A Lan Nhã** (Araṇya)

Sông, suối, ao tắm, cây đẹp ý

Ngọn núi, hang đá, đất bên cây

Dựng lập **Đạo Trường** (Maṇḍala) như Bản Pháp

_ Trang nghiêm Tinh Thất, đặt Bản Tôn

Tuỳ sức cúng dường, một lòng trụ

Quán khắp biển chư Phật mười phương

Cúng dường, lễ chân các Như Lai

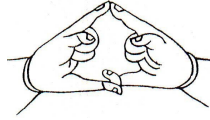
Vì thành ba Nghiệp Kim Cương, nên

Nên ở trong hai tay, lưỡi, tim

Nên tưởng chày Kim Cương **Ngũ Trí**

Do đây gia trì đều **Tất Địa** (Siddhi)

_ Tiếp nên kết Khế, tên **Cảnh Giác**
 Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền
 Bàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Trụ cạnh hai ngón, thành Giác Ngộ



Cảnh Giác Chân Ngôn là:
 “**An, phộc nhật-lỗ để sắt-xá**”
 ॐ वज्र त्रिष्ट
 OM – VAJRA TRIṢṬA

_ Kính lễ Đông Phương **A Súc Tôn** (Akṣobhya)
 Xả thân cầu thỉnh **Bất Thoái Chuyển**
 Toàn thân sát đất, dùng tim lễ
 Kim Cương Hợp Chưởng duỗi trên đỉnh



Xả Thân Cầu Thỉnh Gia Trì Chân Ngôn là:
 “**An, tát phộc đất tha nghiệt đa (1) bố tổ, bả tát-tha năng dạ đất-ma nam (2)
 ninh lý-dã đa dạ minh (3) tát phộc đất tha nghiệt đa, phộc nhật-la tát đất-phộc địa
 sắt-xá sa-phộc hàm**”

ॐ स त्त ग व र ग व र प र प र म य म म न र त्त ग व र म त्त ग व र ग व र
 म त्त व र म त्त

OM – SARVA TATHÀGATA PÙJA PASVANÀYA ATMANÀM NIRYÀTA
 YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVÀMAM

(Trong trái tim, tưởng chữ **Hồng** (ॐ: HÙM) màu xanh)

_ Tiếp nên kính lễ **Bảo Sinh Tôn** (Ratna-saṃbhava)
 Xả thân cầu thỉnh **Quán Đỉnh Vị**
 Kim Cương Hợp Chưởng ngang trái tim
 Đặt trán sát đất, chân thành lễ



Xả Thân Cầu Thỉnh Quán Đỉnh Chân Ngôn là:

“**An, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) bố nhạ tỳ sái ca đa-ma nam (2) ninh lý-dã đa dạ minh (3) tát phộc đát tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la, la đát-năng tỳ sãn tả hàm**”

ॐ सत् नमो नमो पूज्यैः पूज्यैः ॐ नमो सत् नमो नमो वज्राय वज्राय मं

OM – SARVA TATHAGATA PÙJA ABHIŠAIKA ATMANÀM NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHAGATA VAJRA-RATNA ABHIŠIMCA MAM

(Ở trán, tướng chữ **đát-lạc** (ॐ: TRÀH) màu vàng)

_ Tiếp lễ **Quán Tự Tại Vương Tôn** (Avalokite'svara-ràja)

Xả thân cầu thỉnh **Tam Ma Địa**

Kim Cương Hợp Chưởng để trên đỉnh

Đặt miệng sát đất, chân thành lễ



Xả Thân Cầu Thỉnh Tam Muội Chân Ngôn là:

“**An, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) bố nhạ, bát-la vạt đát năng dạ đa-ma nam (2) ninh lý-dã đa dạ minh (3) tát phộc đát tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la đạt ma, bát-la vạt đát dã, hàm (5)**”

ॐ सत् नमो नमो पूजा प्रवर्तयन्त्यैः ॐ नमो सत् नमो नमो वज्राय वज्राय मं

OM – SARVA TATHAGATA PÙJA PRAVARTTANÀYA ATMANÀM NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHAGATA VAJRA-DHARMA PRAVARTTÀYA MAM

(Ở miệng, tướng chữ **Hột-ly** (ॐ: HRÌH) màu đỏ)

_ Tiếp lễ **Bất Không Thành Tự Tôn** (Amogha-siddhi)

Xả thân cầu thỉnh **Thiện Xảo Trí**

Kim Cương Hợp Chưởng an ở tim
Đặt đỉnh sát đất, cúi đầu lễ



Xả Thân Cầu Thỉnh Phương Tiện Chân Ngôn là:

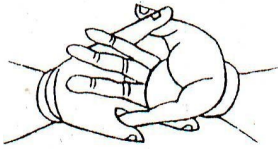
“An, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) bố nhạ yết ma nê, a đa-ma nam (2) ninh lý-dã đa dạ minh (3) tát phộc đát tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la yết ma, củ lỗ, hàm (5)”

ॐ स्रक् नक्षत्रं वृक्षकर्मणि मन्त्रं श्रुतं यथा स्रक् नक्षत्रं वृक्षकर्मणि मन्त्रं ॐ

OM – SARVA TATHAGATA PÙJA KARMAṆI ATMANÀM NIRYÀTA YÀMI
– SARVA TATHAGATA VAJRA-KARMA KURU MAṀ

(Tưởng đỉnh đầu có chữ **Ac (ॐ AH)** màu xanh lục)

_ Tiếp lại kính lễ mười phương Phật
Tưởng thân ở khắp trước chư Phật
Quán tưởng năm Luân (5 vóc) sát đất lễ
Thường kết **Kim Cương Tam Ma Gia**



Biến Lễ Thập Phương Chân Ngôn là:

“An, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) ca dã, phộc, chỉ-tức đa (2) phộc nhật-la bát-la noa mai (3) phộc nhật-la mãn na nam, ca lô minh (4) An, phộc nhật-la vĩ (hoặc hô là vật)

ॐ स्रक् नक्षत्रं नद्य वृक्षं वृक्षकर्मणि वृक्षवृक्षं नक्षत्रं ॐ वृक्षं ॐ

OM – SARVA TATHAGATA KÀYA VÀK CITTA _ VAJRA PRANANÀM –
VAJRA VANDANÀM KARA UMI – OM VAJRA VIḤ.

_ Tiếp tụng **Thành Tự Diệu Chân Ngôn**
Hết thầy chúng sinh cầu Thắng Sự
Nguyện chư Như Lai đều gia trì

Mau khiến thành tựu Đạo vô thượng

Thành Tựu Nhất Thiết Chúng Sinh Chân Ngôn là:

“**An, tát phộc đát tha nghiệt đa (10) hướng tất-đá (2) tát phộc tát đát-phộc nam (3) tát phộc tất đà đượ (4) tam bả cực đơm (5) đát tha nghiệt đa thất-giả (6) địa để bi-trán đơm (7)**”

ॐ सर्व नष्टान्न भ्रमेः सर्वं सर्वान्नं सर्वं भद्रैः सर्वैश्च नष्टान्नं भ्रमेः

OM – SARVA TATHĀGATA ‘SAMŚITĀḤ – SARVA SATVĀNĀM SARVA SIDDHAYAḤ, SAMPADYĀTNĀM, TATHĀGATA’SĀ ADHITĪṢṬANĀ

_ Tiếp nên Kiết Già, ngồi thẳng thân

Tịnh trừ ba Nghiệp khiến trong sạch

Bản Tính các Pháp vốn trong sạch

Khiến Ta, thân này sạch, không dơ

Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn là:

“**An, sa-phộc bà phộc, thuật đà (1) tát phộc đạt ma (2) sa-phộc bà phộc, thuật độ hàm**”

ॐ स्वस्व सुखं सर्वं धर्म स्वस्व सुखं

OM – SVABHĀVA ‘SUDDHA – SARVA DHARMA SVABHĀVA ‘SUDDHA UHĀM

_ Tiếp kết **Văn Thù Tam Ma Gia**

Mười ngón cài nhau thành trăng đầy

Duỗi thẳng Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) **Kim Cương Kiếm** (cây kiếm Kim Cương)

Tưởng thân ngang đồng **Diệu Cát Tường** (Mañju’srī)



Tam Muội Gia Chân Ngôn là:

“**An, phộc nhật-la để khát-xoa-ninh, tam ma gia, tát-đát-phạm**”

ॐ वज्र नैऋत समयै च्छ

OM – VAJRA-TĪKṢṆA SAMAYA STVAM

_ Tiếp Kim Cương Hợp Chương, mười ngón giao phần đầu.



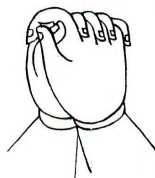
Tụng Chân Ngôn là:

“An, phộc nhật-lăng, nhạ lý”

ॐ वज्रमंजलि

OM – VAJRÀMJÀLI

_ Giao sâu các ngón, nắm quyền xong, thành Kim Cương Phộc.



Tụng Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-la mấn đà”

ॐ वज्रबन्ध

OM – VAJRA BANDHA.

_ Tiếp nên mở Tâm vào Phật Trí

Nên ở hai vú, tưởng hai chữ

Chữ **Đát-la** (ॐ – TRÀ) **Tra** (ॐ – ॠ) đều màu trắng

Chữ ấy tưởng làm hai cánh cửa

Hai tay nên kết Kim Cương Phộc

Vỗ tim ba lần, mở cửa nhà



Khai Tâm Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-la, mấn đà, đát-la tra”

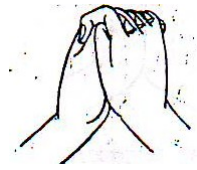
ॐ वज्रबन्ध वज्र

OM _ VAJRA BANDHA TRÀṬ

_ Nên quán Diệu Liên (sen màu nhiệm), A Tự Môn (ॐ)

Dùng Ấn triệu vào ở điện tim

Định Tuệ (2 tay) làm trắng, Kim Cương Phộc
Thiền Trí (2 ngón cái) tại chưởng (lòng bàn tay), tưởng chữ vào



Kim Cương Nhập Tự Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la, phệ xả, ác**”

ॐ वज्रअविषा अह

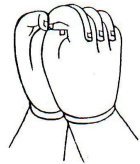
OM – VAJRA AVI'SA _ AH

_ Tiếp nên kết **Môn Tâm Hộ Ấn**

Như Tiêu xí của Nhập ấn trước

Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) ngay trên Thiền Trí (2 ngón cái)

Liên được Bất Thoái Chuyển bền chắc



Kim Cương Quyên Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la mẫu sắt-tông, hàm**”

ॐ वज्रमुष्टि व

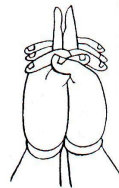
OM – VAJRA-MUṢṬI _ VAM

_ Tiếp kết **Phổ Hiền Tam Ma Gia**

Thể đồng **Tát Đỏa Kim Cương** (Satva-vajra) nên

Định Tuệ (2 tay) hoà hợp Kim Cương Phộc

Hai độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) dựng như phượng



Vừa tụng **Bản Thệ Ấn Chân Ngôn**

Thân ở vành trăng đồng **Tát Đỏa** (Satva)

_ Tiếp kết **Liên Hoa Tam Ma Gia**

Vì khiến **Quán Hạnh** thành tựu, nên

Mười ngón cài chéo, làm mặt trăng

Thiền Trí (2 ngón cái), Đản Tuệ (2 ngón út) dựng dính nhau



Chân Ngôn là:

“**Án , phộc nhật-la, bả na-ma, tam ma dã, sa-đát-tông**”

ॐ वज्रपद्म समया स्त्वाम्

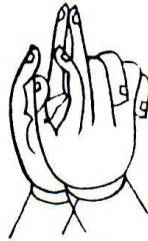
OM – VAJRA PADMA SAMAYA STVAM

_ Tiếp kết **Triệu Tập Chư Tội Ấn**

Hai tay Đỉnh Tuệ, Kim Cương Phộc

Hai độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) dựng như ngọn

Tiến Lực (2 ngón trỏ) như câu (móc câu) triệu ba lần



Triệu Tội Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc bá bả, yết-la noa (1) vĩ thú đà nãng (2) phộc nhật-la tát đát-phộc (3) tam ma dã, hồng (4)**”

ॐ सर्व पापाकारणां वज्रसर्व समया हूं हूं

OM - SARVA PÀPA AKARṢANA VAJRASATVA SAMAYA – HÙM PHAT

_ Tiếp kết **Kim Cương Tội Tội Ấn**

Hai tay hoà hợp, cài bên trong

Hai độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) dựng như phượng

Một tụng Chân Ngôn, một đập vỗ



Tự tưởng các nghiệp tội vô thủy
 Phần lớn đen xoắn như hình Quỷ
 Tụng **Tội Tội Diệt Chân Ngôn** ấy
 Dùng Ấn đập vỡ, khiến tiêu diệt

“**An, phộc nhật-la bá nê (1) vĩ tát-bố tra dã (2) tát phộc bá dã mãn đà năng ninh (3) bát-la mô khát-sái dã (4) tát phộc bá dã nghiệt để tỳ-dược (5) tát phộc tát đát-tông (6) tát phộc đát tha nghiệt đa (7) phộc nhật-la tam ma dã, hồng, đát-la tra (8)**”

ॐ वज्रपणि विसृज्य सर्वं पप वृक्षज समक्ष्य सर्वं पय गगनः
 सर्वसर्वं सर्वं गणगणं वज्र समयं ह्यं वन्दे

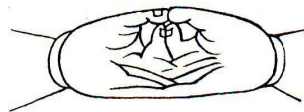
OM - VAJRAPANI VISPHOTAYA SARVA PAPA BANDHANANI
 PRAMOKṢAYA SARVA PĀYAGATEBHYAḤ SARVA SATVA – SARVA
 TATHĀGATA VAJRA SAMAYA HUM TRAT .

_ Hành Giả muốn vào **Kim Cương Định**

Trước tụng **Diệu Quán Sát Trí Ấn**

Hai tay Định Tuệ, ngửa cài nhau

Tiền (ngón trở trái) Thiên (ngón cái trái) Lực (ngón trở phải) Trí (ngón cái phải)
 đều trụ nhau



Dùng Diệu Ấn này tu **Đẳng Dẫn** (Samāhita: Tính của Tâm chuyên chú tại Định)
 Liền được **Như Lai Bất Động Trí**

_ Hành Giả tiếp theo, nhập vào **Vi Tế Kim Cương Quán**. Nên quán hơi thở ra vào, trắng như màu sữa, ngay đầu mũi của mình có ánh sáng trong trắng tinh khiết. Biết xa gần ấy biến thành chày Kim Cương Ngũ Trí theo mũi đi vào, khiến tràn khắp thân của mình.

Tụng Chân Ngôn là:

“**An, tố ương-ma, phộc nhật-la**”

ॐ शृङ्ख वज्र

Dùng sức tu ba Mật gia trì của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Àkà'sa-garbha-bodhisatva)

Quán như vậy xong, liền tụng **Đại Bi Tam Ma Địa Chân Ngôn** là :

“**An, ma hạ ca lỗ noa dạ, sa-phả la**”

ॐ म ह ञ क ऌ म य ह ॥

OM – MAHÀ-KÀRUṆAYA SPHARA

_ Tiếp nên nhập vào **Hỷ Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm **thanh tịnh** duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách trong sáu nẻo, xưa nay thanh tịnh giống như sự trong sạch của Tự Tính **chẳng nhiễm bụi bên ngoài** (Khách Trần) của hoa sen Tâm. Dùng sức Công Đức tu ba Mật của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokite'svara-bodhisatva)

Quán như vậy xong, liền tụng **Đại Hỷ Tam Ma Địa Chân Ngôn** là :

“**An, thuật đà bát-la mô ná, sa-phả la**”

ॐ हु र्द व म र ह ॥

OM – 'SUDDHA PRAMODA SPHARA

_ Tiếp nên nhập vào **Xả Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm **bình đẳng** duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách trong sáu nẻo. Điều lià **Ngã** (Àtman), **Ngã Sở** (Mama-kàra), **Uẩn** (Skandha), **Xứ** (Àyatana), **Giới** (Dhàtu) với **Năng Thủ** (Gràhaka), **Sở Thủ** (Gràhya), bình đẳng nơi pháp, Tâm vốn chẳng sinh, Tính Tướng đều trống rỗng ('Sùnya:Không). Dùng sức Công Đức tu ba Mật của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Hư Không Khố Bồ Tát** (Gagana-garja-bodhisatva hay Àkà'sa-garja-bodhisatva).

Quán như vậy xong, tụng **Đại Xả Tam Ma Địa Chân Ngôn** là:

“**An, ma hộ bế khát-sái, sa-phả la**”

ॐ म ह ञ क ऌ म य ह ॥

OM – MAHÀ UPEKṢA SPHARA.

Người Du Già do tu tập **bốn Vô Lượng Tâm Định**, tụng **bốn Vô Lượng Chân Ngôn** nên ở đời vị lai, hết thấy mọi loại chướng nạn, Ma Nghiệp của Người Trời thấy đều trừ diệt. Trong thân gom chứa vô lượng nhóm Phước, Tâm được điều nhu, kham nhậm tự tại.

_ Hành Giả nên tu Pháp **A Tát Phả Na Già**. Người tu Pháp này, chẳng động chi tiết, ngưng hơi thở ra vào, khiến cho hơi thở nhỏ nhiệm, đừng để tán loạn. Liền nên

quán tất cả chư Phật ở hư không, giống như hạt mè tràn khắp mười phương, dùng **Kim Cương Đàn Chỉ** (búng ngón tay) bảo Hành Giả rằng: “*Này Thiện Nam Tử ! Người hãy quán Bản Tâm*”

Hành Giả nghe xong, liền tưởng thân của mình lễ bàn chân của chư Phật.

Biến Lễ Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) bá na, mãn na năng, ca lộ nhĩ (2)**”

ॐ स ह ग व र ङ ग य ह व ह ङ ङ ङ ङ

OM – SARVA TATHAGATA PÀDA VANDANÀM KARA UMI

Lễ xong, quán sát kỹ lưỡng Bản Tâm tối bạch với chư Phật rằng: “*Tướng của Tâm không có **Thế**, Làm sao tu chứng ?*”

Chư Phật bảo Hành Giả rằng: “*Thiện Nam Tử ! Người quán vành trăng tại trái tim như ở trong sương mù mỏng*”. Liền tụng **Oánh Triệt Bồ Đề Chân Ngôn**, quán sát kỹ lưỡng vành trăng ở trái tim

Chân Ngôn là:

“**Án, tức đa bát-la để phệ đặng, ca lỗ nhĩ**”

ॐ अ ह व र ङ ग य ह व ह ङ ङ ङ ङ

OM – CITTA PRATIVEDHAM KARA UMI

Hành Giả nên mỗi mỗi quán kỹ lưỡng rõ ràng, chẳng lâu sẽ thấy Tâm Bồ Đề thanh tịnh, lia các bụi dơ, trong sạch như trăng đầy.

Liền tụng **Bồ Đề Tâm Chân Ngôn** là:

“**Án, mạo địa tức đa mẩu đa-bả na dạ nhĩ**”

ॐ व व र ङ ग य ह व ह ङ ङ ङ ङ

OM – BODHICITTAM UTPÀDA YÀMI

Tưởng trong vành trăng Bồ Đề có chữ **Đàm** (**व** _DHAM) như màu vàng ròng, sáng rực như mặt trời, phóng ánh sáng lớn. Liền biến thành cây kiếm **Bát Nhã Ba La Mật**, lia các phân biệt, hay chặt đứt phiền não

Trí Kiếm Chân Ngôn là:

“**Án, để sắt-xá, khát nga**”

ॐ अ ह व र ङ ग य ह व ह ङ ङ ङ ङ

OM – TIṢṬA KHADGA

Tưởng cây kiếm Trí ấy dần dần tăng lớn lên vòng khắp Pháp Giới.

Chân Ngôn là:

“**Án , sa phả la khát nga**”

ॐ अ ह व र ङ ग य ह व ह ङ ङ ङ ङ

OM – SPHARA KHADGA

Chân Ngôn là:

“**Án, Phộc nhật-la để khát-ương-noa, địa sắt-xá sa-phộc hàm**”

ॐ वज्रनिशु मध्याधिसं

OM – VAJRA-TIKṢṢṆA ADHIṢṬA SVĀMAM

_ Tiếp kết **Văn Thù Ngũ Kế Ấn**

Hai tay Chỉ Quán, cài chéo ngoài

Đàn (ngón út trái) Phương (ngón vô danh phải) Giới (ngón vô danh trái) Tuệ (ngón út phải) dựng như ngọn

Tiến (ngón trỏ trái) Nguyệt (ngón giữa phải) Nhân (ngón giữa trái) Trí (ngón cái phải) vịn đầu nhau

Hai độ: Thiên (ngón cái trái) Lực (ngón trỏ phải) hợp đầu nhau

Nên tụng **Căn Bản Diệu Chân Ngôn**



Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) a bát-la để hạ đa xá sa năng nam (2) Án, la la, sa-ma la, a bát-la để hạ đa xá sa năng (4) củ ma la, lỗ bả đà lý nê (5) hồng, phát tra, sa-phộc hạ (6)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM APRATIHATA-’SASANĀNĀM

OM _ RA RA SMARA APRATIHATA-’SASANA KUMĀRA-RŪPA-DHĀRĀNĪ _ HŪM PHAT _ SVĀHĀ

_ Hành Giả tiếp kết **Nhất Kế Ấn**

Hai tay Định Tuệ, cài chéo trong

Hai độ Nhân Nguyệt (2 ngón giữa) dựng như phượng

Trụ nhau khiến tròn như kế tướng (tướng búi tóc)



Nhất Tự Chân Ngôn là:

“Thê-lý-hứ-diêm”



‘SRHYIM

_ Hành Giả tiếp kết **Tam Kế Ấn**

Chỉ Quán (2 tay) mười ngón hợp ngang tim

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Giới Phương (2 ngón vô danh) co vào chưởng

Khiến lóng giữa ấy đều trụ nhau



Tam Tự Chân Ngôn là:

“Phộc kế hồng”



VÀKE HÙM

_ Tiếp hợp Định Tuệ, chắp tay rộng

Hoả Luân (ngón giữa) giao kết, giữ Thuỷ Luân (ngón vô danh)

Hai Phong (2 ngón trỏ) vòng co như Đại Không

Tướng ấy như móc (móc câu), thành Mật Ấn

Rồi dùng để khấp chi phần mình

Như thế tu hành mọi sự nghiệp



Đại Thánh Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Pháp Thân Căn Bản Chân Ngôn là:

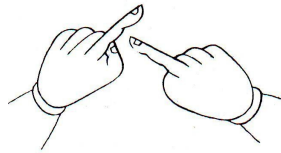
“Na mô tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ-du, la-hạt tỳ-dược (1) Ấn, củ ma la lỗ bĩ
nê vĩ thấp-phộc (2) tam bà phộc (3) a nghiệt tha, nghiệt sai (4) la hộ, la hộ (5) bệ
lỗ-án, hồng hồng (6) hồng năng nhĩ ca (7) mạn tổ thất-lý dã, tổ thất-lý dã (8) đá la

Chấp hai tay lại, co Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào lòng bàn tay
 Để ở hai bên trên vầng trán



Quán Đỉnh Chân Ngôn là:
“Án, la đát-năng, cú xá ngật-lý-dã, hồng”
 ॐ [ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ]
 OM _ RATNA-KU'SA AGRYA HUM

_ Tiếp lại kết ở **Giáp Trụ Ấn**
 Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền
 Để trước trái tim, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ)



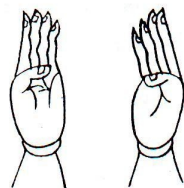
Hai ngón trái phải, tưởng **Án** (ॐ_OM), **Châm** (ॐ_TUM)
 Tưởng tuôn Thanh Quang (ánh sáng xanh) làm màu lục (xanh lục)
 Trước tim, quán ba lần, sau lưng
 Lại đến dưới rốn, hai đầu gối
 Lại chuyển đến rốn, quán sau eo
 Từ eo đến tim, chuyển hai Bạc (bắp tay)
 Từ Bạc (bắp tay) đến họng, hướng sau cổ
 Lại từ sau cổ đến trước trán
 Từ trán đến não, kết Trí Quyền
 Từ từ buông xuống như rũi dai
 Chỉ Quán (2 tay) xoay chuyển như thế múa
 Hai tay cài chéo thành Mãn Nguyệt (Kim Cương Phộc)

Giáp Trụ Chân Ngôn là:
“Án, phộc nhật-la ca phộc tả (1) phộc nhật-lý, củ lỗ (2) phộc nhật-la, phộc nhật-la, hàm (3)

ॐ [ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ]
 OM - VAJRA-KAVACA VAJRE KURU VAJRA VAJRADA HAM

_ Tiếp bày Nghi **Kim Cương Phách Chưởng**

Hai tay ngang bằng, vỗ ba lần



Do bày **Phách Ấn** kèm **Chân Ngôn**

Hay khiến Thánh Chúng phát vui vẻ

Mau được **Bản Tôn Hoan Hỷ Thể**

Hoan Hỷ Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la đê, khát-sử-noa, đồ sử-dã, hộc**”

ॐ वज्रनिशु त्रुशु ङ

OM – VAJRA-TIKṢṆA TUṢYA HOḤ

_ Tiếp kết **Đại Hải Ấn**

Hai tay cài chéo trong

Ngửa chưởng ngang với rốn

Thiền Trí (2 ngón cái) hơi cùng trụ



Chân Ngôn là:

“**Án, Vĩ ma lộ ná địa hồng**”

ॐ वामलुदधु हु

OM – VIMALA UDADHI HUM

_ Định Tuệ (2 tay) mười ngón cài chéo trong

Kèm dựng hai cánh tay, hợp khuỷu

Ngang tim dựng thẳng, tụng Chân Ngôn

Đây tên **Diệu Cao Bảo Sơn Ấn**



Chân Ngôn là:

“**An, a tả la hồng**”

ॐ ऎ॒व॒ल॒हं ॐ

OM – ACALA HÙM

_ Tiếp kết **Kim Cương Luân Đại Ấn**

Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Đàn Tuệ (2 ngón út) trợ móc nhau

Như Đàn Trường ấy, thân bốn chỗ



Chân Ngôn là:

“**An, phộc nhật-la, chước cật-la, hồng**”

ॐ व॒ज्र॒व॒हं ॐ

OM – VAJRA-CAKRA – HÙM

_ Tiếp kết **Tứ Nhiếp Ấn**

Nên tụng **Tứ Tự Minh**

“**Nhược hồng tông học**”

ॐ ह॒म॒ व॒म॒ ह॒

JA H HÙM VAM HO H

_ Lại kết **Kim Cương Biến Nhân Ấn**

Chỉ Quán (2 tay) hoà hợp cài chéo ngoài

Co Thiền Trí (2 ngón cái) vào trong lòng tay

Trình Ấn hay khiến Đại Thánh hiện



Chân Ngôn là:

“**Phộc nhật-la, để khất-sử-noa, ác**”

ॐ व॒ज्र॒ति॒क्ष्ण॒ ऎ॒

VAJRA-TIKṢṂA AH

_ Chẳng giải Ấn trước, tụng Chân Ngôn

Hay khiến Hành Giả thấy rõ ràng

Chân Ngôn là:

“Phộc nhật-la, đễ khất-sử-noa, đăn-ly xả-dã”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋

VAJRA-TIKṢṂA DR‘SYA

_ Lại kết **Tam Ma Gia**

Kim Cương Kiếm Đại Ấn

Xưng tụng Chân Ngôn sau

Ta ngang bằng Bản Tôn

Chân Ngôn là:

“Tam ma dụ hám (1) ma hạ tam ma dụ hám (2)”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋 𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋

SAMAYA UHAM, MAHÀ-SAMAYA UHAM

_ Tiếp kết **Tứ Thu Mật**

Tụng câu Kim Cương này

“Ấn, phộc nhật-la đát đát-phộc tăng ngật-la hạ (1) phộc nhật-la, la đát-năng ma nỗ lăm, (2) phộc nhật-la đạt ma nga dã nãi (3) phộc nhật-la yết ma ca lỗ bà phộc”

_ Tiếp dùng **Tứ Tự Minh**

Như trước, như bốn chỗ

“Nhược hồng tông học”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋

JAḤ HUM VAM HOḤ

_ Tiếp dùng **Kim Cương Vương**

Triệp tập các chúng Thánh

Chân Ngôn là:

“Ấn, phộc nhật-la tam ma nhạ, nhược”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋 𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋

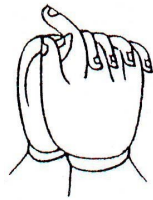
OM – VAJRA SAMAJA_ JAḤ

_ Tiếp nên Hành Giả ngồi, Quán trước

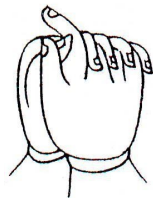
Hoa sen tám cánh đủ râu nhụy

Trên quán Tòa Sư Tử Diệu Cao

Trên Tòa lại có lầu bảy báu
 Trong tường hoa sen vua bảy báu
 Trên tường chữ **Đàm** (𑀓_DHAM) đủ uy quang
 Chiếu khắp Pháp Giới lướt vòng hết
 Chữ ấy biến làm **Kim Cương Lợi** (VAJRA-TIKṢṆA)
 Mỗi mỗi đế quán như hình gốc (bản hình)
 Triệu thỉnh Bồ Tát, tướng vào thân
 Hai tay tác Nguyệt (Kim Cương Phộc), Tiến (ngón trở phải) như câu (móc câu)
 Tướng thân đồng với Bồ Tát ấy



_ Tiếp kết **Kim Cương Câu Đại Ấn**
Nhất Thiết Như Lai Thỉnh Triệu Trí
 Định Tuệ (2 tay) hoà hợp cài chéo ngoài
 Tiến Độ (ngón trở phải) như móc, co ba lần



Kim Cương Câu Bồ Tát Chân Ngôn là:

“Án, a dạ hứ, nhược”

𑀓 𑀧𑀲𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺

OM – ÀYAHĪ JAḤ

_ Tiếp kết **Kim Cương Sách Đại Ấn**

Dẫn vào **Tôn Thân**, thành **Trí Thể**

Ấn trước, Thiên Độ (ngón cái phải) vào Định Chưởng (lòng bàn tay trái)

Lực (ngón trở trái) Trí (ngón cái trái) vịn nhau như vòng

_ Tiếp ngay kết **Sách** (Pà'sa) vào **Tôn Thân**

Kết Nguyệt Thiên, Thần Trí vào chưởng (lòng bàn tay)



Do Mật Ấn này gia trì nên
Biến làm một Thể không có khác
Kim Cương Sách Chân Ngôn là:

“Án, A hứ hồng hồng”

ॐ ॐ ॐ ॐ

OM – ÀHI HÙM HÙM

_ Tiếp kết **Kim Cương Câu Toả Ấn**

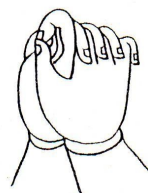
Hay khiến Bản Tôn trụ bền chắc

Thiền Trí (2 ngón cái) Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng móc kết

Đây tên **Kim Cương Năng Chỉ Ấn**

_ Tiếp ngay Toả Ấn khiến bền chắc

Tác Nguyệt (Kim Cương Phộc) bốn ngón giống như vòng



Do Uy lực của Mật Ấn này

Đều khiến bền chắc mà chẳng biến

Kim Cương Toả Chân Ngôn là:

“Án, hệ tát-phổ tra, hàm”

ॐ ॐ ॐ ॐ

OM – HE – SPHOTA – VAM

_ Tiếp kết **Kim Cương Diệu Thanh Ấn**

Hay khiến chúng Thánh đều vui vẻ

Thiền Trí (2 ngón cái) co vào Kim Cương Phộc

Đây tên **Kim Cương Hoan Hỷ Ấn**

_ Tiếp kết **Linh Ấn** khiến vui vẻ

Thiền Trí vào Chưởng (lòng bàn tay) như chuông nhỏ (linh đặc: chuông lắc tay)



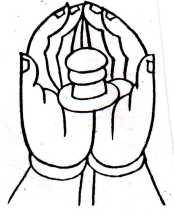
Khiến Tôn với Chúng đều vui vẻ
Gia trì khiến mau Diệu Thành Tự
Kim Cương Linh Chân Ngôn là:

“**Án, kiện tra, ác ác**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM –GHAMṬA _ AH AH

_ Hành Giả tiếp nên dùng hai tay bưng **Át Già** (Argha) tượng tẩy rửa bàn chân của Đại Thánh **Kim Cương Lợi Bồ Tát** với các quyển thuộc.



Hoặc dùng **Bách Tự Chân Ngôn** gia trì **Át Già** rồi **hiến Át Già**
Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-lô na ca, hồng**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM _ VAJRA- UDAKA HŪM

_ Tiếp kết **Văn Thù Yết Ma Ấn**

Hai tay đều nắm **Kim Cương Quyền**

Định Vũ (tay trái) để ngay trên trái tim

Tuệ Vũ (tay phải) giống như thế cầm kiếm



Do sức **Yết Ma Diệu Ấn** này

Thân ngang đồng Tôn không có khác

Yết Ma Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la để khát-xoa-noa, đàm**”

ॐ वज्रनिष्ठा धम

OM – VAJRA-TIKṢNA DHAM

_ Tiếp kết **Kim Cương Lợi Kiếm Ấn**

Phộc Ấn, Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) duỗi như Kiếm.



Do Diệu Ấn này gia trì, nên

Sẽ được Trí Bát Nhã thâm sâu

Kim Cương Lợi Kiếm Chân Ngôn là:

“**Án, nậu khư thử na**”

ॐ ह्रिः क्व क्व

OM – DUḤKHA CCHEDA

_ Tiếp kết **Thanh Liên Hoa Diệu Ấn**

Giới Phương (2 ngón vô danh) Đan Tuệ (2 ngón út) hợp Diệu Tràng (cây phượng màu nhiệm)

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) đều buộc lưng Giới Phương (2 ngón vô danh)

Tiến Lực (2 ngón trỏ) đều co, vịn Thiên Trí (2 ngón cái)



Thanh Liên Hoa Chân Ngôn là:

“**Án, ác vị la hồng, khư tả lộ**”

ॐ ह्रिः क्व क्व

OM AḤ VĪRA HŪM KHACARAH

_ Tiếp kết **Khổng Tước Vương Toạ Ấn**

Hai tay Định Tuệ cài chéo trong

Kèm dựng Đan Tuệ (2 ngón út) như cái đuôi

Thiên Trí (2 ngón cái) cùng hợp, giống cái đầu

Kim Cương Man Chân Ngôn là:

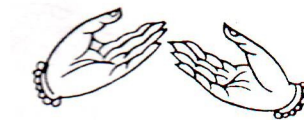
“Án, lô ba thú tý”

ॐ རུཔ་ཤེན་མོ་

OM – RÚPA ‘SOBHE

_ Tiếp kết **Kim Cương Ca Vịnh Ấn**

Man (vòng hoa) đến ngang miệng, bung xuống dưới



Do kết Kim Cương Ca Vịnh Ấn

Mau được *An Nhẫn Ba La Mật* (Kṣānti-pàramità)

Kim Cương Ca Vịnh Chân Ngôn là:

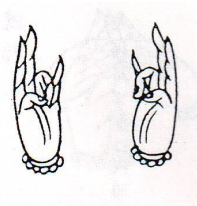
“Án, thú-lô đát-la táo khê”

ॐ རུཔ་ཤེན་མོ་

OM – ‘SOTRA SAUKHYE

_ Tiếp kết **Kim Cương Vũ Cúng Dường**

Hai tay xoay quyền như thế múa



Do kết Vũ Ấn, sức gia trì

Mau mắn *Tinh Tiến Ba La Mật* (Vīrya-pàramità)

Kim Cương Vũ Chân Ngôn là:

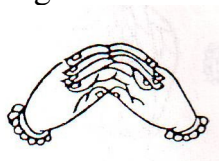
“Án, tát phộc bố nhĩ “

ॐ རུཔ་ཤེན་མོ་

OM – SARVA PUNYE

_ Tiếp kết **Kim Cương Ngoại Cúng Dường**

Phộc Ấn ngang tim, hướng dưới bung



Do sức kết **Thiền Hương Ấn** nên

Sẽ chứng *Tĩnh Lự Ba La Mật* (Dhyàna-pàramità:Thiền Định Ba La Mật Đa)

Kim Cương Thiền Hương Chân Ngôn là:

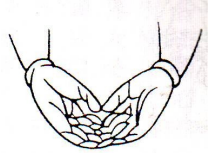
“**Án, bát-la hạ-la nễ ninh**”

ॐ བཱུཤཱཱ

OM –PRAHLA DINI

_ Tiếp kết **Kim Cương Tán Hoa Ấn**

Phộc Ấn ngửa giải, như rải hoa



Do kết Tán Hoa Ấn gia trì

Mau chứng *Bát Nhã Ba La Mật* (Prajña-pàramità)

Kim Cương Tán Hoa Chân Ngôn là:

“**Án, bát la nga mê**”

ॐ བཱུཤཱཱ

OM –PHÀLA GAMI

_ Tiếp kết **Kim Cương Đẳng Minh Ấn**

Ngoại Phộc, Thiền Trí (2 ngón cái) hợp như phượng



Do kết Kim Cương Đẳng Minh Ấn

Sẽ được *Phương Tiện Ba La Mật* (Upàya-pàramità)

Kim Cương Đẳng Minh Chân Ngôn là:

“**Án, tô đế nhạ ngật-ly**”

ॐ བཱུཤཱཱ

OM –SUTEJA AGRI

_ Tiếp kết **Kim Cương Đồ Hương Ấn**

Nguyệt (Kim Cương Phộc) ngang ngực rải như xoa hương



Do kết Đồ Hương Ấn gia trì
Mau mắn *Thệ Nguyện Ba La Mật* (Prajñādhāna-pāramitā)

Kim Cương Đồ Hương Chân Ngôn là:

“Ấn, tô hiến đấng nghi ”

ॐ सुगन्धा अङ्गी

OM –SUGANDHA ANGI

_ Người tu hành tiếp nên tụng **Đại Thánh Văn Thù Sư Lợi nhất bát bách danh** tán dương vô lượng Công Đức của Bản Tôn với chúng Thánh.

Tán là:

- 1_ Y sai củ ma la, bả la la-tha nga đá nam
- 2_ Tất địa ma nhạ dã, đa lộ ca hứ đá nam
- 3_ Thất-nghi duệ tử, tát phộc hứ đế nhạ nga đế, bát-la nê đá lệ
- 4_ Thuật đà đở ninh hiệt-xá đở mô khát-sái, vĩ nỗ nam
- 5_ Tát đế-dã na dạ khát-sái ma vĩ lý-diễn phộc hứ đa, tức đá
- 6_ Mỗi đất-la, la sa na na năng la đá duệ
- 7_ Tất địa bà phệ sa na đế số nhạ ninh số năng nương yết mai tả năng
- 8_ Tất địa mẫu bệ lệ
- 9_ Mãn đất-la phộc lệ sa na đở sắt-trí la đá duệ
- 10_ Xá na ninh cật-la, đà lệ đất tha mãn tộ đà lệ phộc
- 11_ Đạt la-sái dĩ ma la, bát-la vạt đa dĩ chước cật-lam
- 12_ Tố bỉ la tả cật-la đà lỗ, y hạ dục cật-đa
- 13_ Phộc tả nễ nhĩ-dã ma nỗ tỳ la ma duệ tả
- 14_ Phộc lý xả toản đở vĩ phộc nhĩ đa ninh đế-dã
- 15_ Niệp nhĩ-dã ma nỗ la ma yết noa tố khư tả
- 16_ Tất-lệ ma nê dạ ma độ la, a nỗ củ la
- 17_ Tức đa ma hạ la na ninh táo xí-dã, bát-la na tả
- 18_ Mãn tộ lý đế sa mẫu nễ la dã mẫu đà
- 19_ Duệ tả năng xá chỉ-dã, bát-la sa phộc ma nhạ nan
- 20_ Đế chủy đất tha nghiệt đa, chỉ-nương năng, vĩ thế sái
- 21_ Đế số tố đá đất tha bộ nhĩ, bát-la vĩ sắt-tra
- 22_ Niệp nhĩ-dã bát cật-la sắt-tra, đất tha nghiệt đa, tăng xí-dã
- 23_ Đế chủy tố lệ thấp-phộc la, lộca, bát la bà phộc ma nhạ năng ma lạc chỉ-
dã
- 24_ Lỗ ty-dã, a lỗ ty-dã, đất tha, a tha bộ ma
- 25_ Ca nhĩ năng, niệp nhĩ-dã ninh-lý nhạ
- 26_ Ma nỗ nhạ phộc dụ nghi năng

- 27_ Tất địa nghiệt đá đất tha lộ kế
- 28_ Tát phộc vĩ thủy sắt-tra, đất tha năng la, mục xí-dã
- 29_ Tát đất phộc ma táo nương sa vĩ nễ-dã để yết thất-chất
- 30_ Dụ bát-la để nhạ ninh đồ đất tả thất-lý dạ duệ
- 31_ Ê sái thất-lý được, bả lý yết lạp-chủy đất đồ tỳ-diêm
- 32_ Mạn tộ lý để bát-la để nhạ ninh đồ
- 33_ Một đà, mạn tộ thất-lý diệp bả lý yết lạp-chủy đất đồ tỳ-diêm
- 34_ Năng ma nhĩ diễm đất tha bố la-phộc nhĩ ninh tỳ
- 35_ Ê sái cật-lý đá, đa phộc tăng chỉ-nê đa yết lạp bế
- 36_ Niệp nhĩ-dã, ma năng nga đa,
- 37_ Một đà ma để đái
- 38_ Năng ma thất-lỗ nê diệp, bả lý sa-đa phệ thuật độ
- 39_ Năng nương ma nỗ bà vĩ, ê ca ma nỗ phộc
- 40_ Đất tả, y diễm thủy phộc phiến để, bà phệ diêm
- 41_ Mạo địa, phộc la bà vĩ, a ngật-la vĩ thủy sắt-tra
- 42_ Mãn đất-la, a thế sái đồ, tất địa bà phệ dạ
- 43_ Ốt đa ma, dụ ninh nga để, bát-la để lệ bệ
- 44_ Ốt đa ma, đạt ma tam thất-la dĩ ninh nguyện
- 45_ Vĩ cận-năng, vĩ phộc nhĩ đa, tất địa bà phệ dã
- 46_ Chỉ tất-tất đa, mãn đất-la, bát-la sa đà dĩ đất tông
- 47_ Khất-sái bát-lỗ sa nghiệt lạc để, mạo địa nột mãn nại lam
- 48_ Lạp tả để, mạo địa nghiệt thủy, mẫu ninh mục toàn-dữu
- 49_ Nghiệt đất-phộc ninh sử na để, tát đất-phộc, hứ đất la-tham
- 50_ Một địa-dã để, mạo địa bát-la vạt đa dĩ tả cật-lam
- 51_ Ê sái ngu noa ca thể đồ nhĩ năng mục khế
- 52_ Mạn tộ thất-lý diễm đất-phộc dĩ tăng sa-ma lý năng hàm
- 53_ A tiến để-dã, ngu noa ca thể đá nhĩ năng mục khế
- 54_ Nại thủy đồ ninh để-dã, bát-la bà phộc đất-phộc nễ diêm
- 55_ Bố la-phộc nga tát phộc thiết đái nhĩ năng mục khế
- 56_ Yết lạp-bả bà nãi dã ma thước chỉ-dã ma tăng khế
- 57_ Mãn đất-la nghiệt đá đa phộc, thuật đà củ ma la
- 58_ Mạn tộ thất-lý diễm đa phộc, mãn đất-la tả lý diêm
- 59_ Bà sử đa tát phộc ma thế sái ca một đái
- 60_ Ê sái, củ ma la tha tát phộc nga đá phệ
- 61_ Xá sa năng đồ tỳ-dã năng lô đa ma địa la
- 62_ Thuật đà, phộc sa ninh ninh sát la-noa nhĩ năng phệ
- 63_ Tát đất-phộc ma thế sái đa duệ, y hạ tán đá

OM – KRTOVAḤ, SARVA SATVA ARTHA SIDDHIRDATTA YATHA
ANUGÀGACCHATHAM BUDDHA-VIṢAYAM PUNARÀGAMANÀYATU – OM
– VAJRA-TIKṢNA MUḤ.

Tác Pháp này xong. Lại dùng **Tam Muội Gia Ấn** tụng Gia Trì Chân Ngôn đem
ấn bốn nơi, sau đó Quán Đỉnh, mặc giáp trụ Kim Cương.

Y theo trước bốn lễ, lễ Phật ở bốn phương, Sám Hối, Phát Nguyện....

Sau đó y theo nơi nhàn tĩnh, nghiêm dùng hương hoa, trụ **Bản Tôn Tam Ma Địa**,
đọc tụng **Phương Quảng** (Vaipulya), tất cả Kinh Điển **Đại Thừa** (Mahà-yàna), Đại
Phẩm của Đại Bát Nhã cho đến Văn Thù Bát Nhã.....rồi tùy ý **kinh hành**
(Caṅkramana)

Bát Nhã Đại Phẩm với hai chữ

Ngày đêm bốn thời tinh tiến tu

Đời này chứng được **Hoan Hỷ Địa** (Pramidità-bhùmi)

Mười sáu đời sau thành Chính Giác.

Văn Thù Sư Lợi Phần Nộ Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la để khát-sử-noa, câu lỗ đà, thân na, hồng phán tra**”

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

OM VAJRA-TIKṢNA KRODHA_ CCHINDA _ HÙM PHAT

Dùng Chân Ngôn này: Hộ Thân, Tịch Trừ, Kết Giới, tịnh các hương hoa với tất cả
vật cúng... đều được

Nguyện cho chúng sinh gặp **Giáo** này

Văn Thù (Maṃju'srì) thường làm Thiện Tri Thức

Mau chứng Trí Bát Nhã khéo léo

Mau thành Vô Thượng Lương Túc Tôn

VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT NGŨ TỰ DU GIÀ CHÂN NGÔN NGHI QUỸ
MỘT QUYỂN (Hết)

(Kèm thêm một Chân Ngôn phụ theo bày ra)

02/06/2011